

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2025/DS-PT
Ngày 24-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Minh Đạt

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long (trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre cũ) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLPT-DS ngày 08/5/2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1768/2025/QĐ-PT ngày 21/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Nhất D, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số F, Đ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1984, địa chỉ: Số E, Ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) và/hoặc chị Trần Ngọc Quế A, sinh năm 2002, địa chỉ: Số G, khu phố S, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973

3.2. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Huỳnh Nhất D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Nhất D và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè, ngày 17/7/2023 anh Nguyễn Ngọc T1 có vay của anh D số tiền 2.300.000.000 đồng, vay không có lãi suất. Thời gian vay đến ngày 25/7/2024 anh T1 sẽ trả nợ vay cho anh D. Anh T1 có viết giấy mượn nợ và ký xác nhận đã nhận đủ tiền từ anh D. Theo giấy vay nợ, anh T1 cam kết sẽ trả trước cho anh D số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 25/7/2023 và ngày 25 hàng tháng sẽ trả anh D 300.000.000 đồng cho đến khi hết toàn bộ số tiền đã vay là 2.300.000.000 đồng.

Việc vay mượn này cha mẹ của anh T1 là ông N và bà V biết và có cam kết trả nợ thay cho anh T1. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng anh T1 viện nhiều lý do nhằm trốn tránh việc trả tiền cho anh D. Đến nay, anh T1 không trả cho anh D được số tiền nào. Do tin tưởng nên anh D cho anh T1 vay số tiền lớn, nhưng việc anh T1 không trả nợ đúng hạn đã gây ra nhiều khó khăn cho anh D.

Do đó, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T1 cùng ông Nguyễn Ngọc N và bà Nguyễn Thị V phải liên đới trả lại cho anh D toàn bộ số nợ gốc là 2.300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 25/07/2023 đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án, tạm tính đến 24/09/2024 là 14 tháng, mỗi tháng 19.090.000 đồng, tổng số tiền lãi tính đến ngày 24/09/2024 là 267.260.000 đồng. Tổng cộng anh D yêu cầu anh T1 cùng ông N và bà V phải liên đới trả lại cho anh D là 2.567.260.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị V.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc N trình bày:

Ông cho biết anh T1 có vay mượn tiền của người khác không rõ là ai, ông cũng không biết số tiền anh T1 vay là bao nhiêu. Trước đây, có người đến đòi tiền nợ của anh T1 thì có đưa ông tờ giấy và ông có ký tên vào nhưng ông không biết đây là tờ cam kết trả nợ thay cho anh T1 số tiền 2.300.000.000 đồng. Ông thừa nhận chữ ký trong tờ cam kết là của ông nhưng do ông ký nhưng không có đọc nội dung nên không biết đây là tờ cam kết trả nợ thay cho anh T1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh D buộc ông và bà V liên đới cùng anh T1 trả số tiền 2.567.260.000 đồng thì ông không đồng ý vì đây không phải là nợ của ông, anh T1 là người vay nợ thì anh T1 có trách nhiệm trả, ông không liên quan.

Do không tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466; 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Nhất D.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 trả cho anh Huỳnh Nhất D số tiền nợ là 2.567.260.000đ (Hai tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh D về việc buộc ông Nguyễn Ngọc N và bà Nguyễn Thị V liên đới trả số tiền nợ nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/10/2024, nguyên đơn anh Huỳnh Nhất D kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị A trình bày: Anh T1 là trụ cột trong gia đình nên việc vay tiền là nhằm phụ giúp kinh tế chung của gia đình. Do đó, anh D yêu cầu anh T1, ông N, bà V có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Anh T1, ông N, bà V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Kháng cáo của anh D là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Nhất D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 120/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của anh Huỳnh Nhất D; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T1, bà V, ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Do bản án sơ thẩm chỉ có nguyên đơn kháng cáo về nghĩa vụ liên đới của ông N, bà V nên cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2.2] Xét kháng cáo của anh Huỳnh Nhất D:

Căn cứ giấy mượn nợ do anh D cung cấp khi khởi kiện thì anh T1 có vay của anh D số tiền 2.300.000.000 đồng, trên giấy này chỉ có chữ ký của anh T1, không có chữ ký xác nhận vay nợ của ông N và bà V. Tại biên bản làm việc với ông N thì ông N cũng không đồng ý liên đới trả nợ cùng anh T1, ông cho rằng việc mượn nợ là của cá nhân anh T1, ông không biết về việc mượn nợ của anh T1. Xét thấy, tại thời điểm anh T1 vay tiền của anh D thì anh T1 đã đủ 18 tuổi là người thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để tự chịu trách nhiệm về các hành vi của mình. Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông N, bà V là người cùng vay nợ hoặc cùng sử dụng số tiền vay nên không có căn cứ để buộc ông N, bà V phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay nêu trên. Đối với chứng cứ là giấy viết tay của ông N về việc trả nợ thay cho anh T1 thì nội dung giấy này chỉ thể hiện ông N biết anh T1 có vay tiền, hứa trả nợ thay, không có nội dung nào thể hiện ông N, bà V cùng vay hoặc sử dụng số tiền 2.300.000.000 đồng. Đồng thời, trách nhiệm trả nợ thay và trách nhiệm liên đới là hai chế định hoàn toàn khác nhau. Do đó, không có căn cứ buộc ông N, bà V có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cùng anh T1.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nghĩa vụ liên đới là phù hợp, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Huỳnh Nhất D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Nhất D;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 120/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long).

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Nhất D.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 trả cho anh Huỳnh Nhất D số tiền nợ là 2.567.260.000đ (Hai tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Nhất D về việc buộc ông Nguyễn Ngọc N và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ nêu trên.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 83.345.200đ (Tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

H lại cho anh Huỳnh Nhất D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.500.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001565 ngày 10/11/2023 và 4.772.500đ (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0003027 ngày 14/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Vĩnh Long).

[3.2] Án phí phúc thẩm: Buộc anh Huỳnh Nhất D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006128 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng GĐKT, TT&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rễn